

# TƯ TƯỞNG NGUYỄN BÌNH KHIÊM QUA BÀI THƠ NÔM SỐ 79

VŨ THANH\*

**Tóm tắt:** Bài viết phân tích nội dung và thi pháp của bài thơ Nôm số 79 (SGK *Ngữ văn* phổ thông Chương trình 2006 đặt nhan đề là *Nhàn*)<sup>1</sup> của Nguyễn Bình Khiêm để tìm hiểu, lí giải các thông điệp nghệ thuật, tư tưởng của tác giả sau mỗi từ ngữ và cả bài thơ. Bài viết cho thấy tư tưởng ẩn dật, thi pháp nói ngược, quan niệm về khôn, dại và quan điểm sống hòa hợp với thế giới tự nhiên của nhà thơ. Bài viết cũng khẳng định qua tác phẩm này, Nguyễn Bình Khiêm muốn đi tìm giải pháp yên bình cho xã hội và thời đại mình, kêu gọi con người hãy quay về với thiên nhiên, sống hài hòa, tránh xa việc tranh giành danh lợi - điều sẽ dẫn tới chiến tranh, đói nghèo, vô đạo.

**Từ khóa:** Nguyễn Bình Khiêm, thơ Nôm bài 79, tư tưởng ẩn dật, thi pháp nói ngược, giải pháp hòa bình.

## EXPLORING NGUYỄN BÌNH KHIÊM'S IDEOLOGY THROUGH NÔM - SCRIPT POEM NO. 79

**Abstract:** This article examines the content and poetics of the Nôm-script poem no.79, known in general education textbooks as *Nhàn* (Leisure) by Nguyễn Bình Khiêm. It analyzes each poetic line to interpret the author's artistic and ideological messages. The study highlights the poet's reclusive philosophy, use of paradoxical rhetoric, views on wisdom and folly, and his advocacy for living in harmony with nature. The article concludes that Nguyễn Bình Khiêm, through this work, promoted a peaceful solution for his society by encouraging a return to nature, harmonious living, and distancing from the pursuit of fame and profit, which often result in conflict, poverty, and moral decline.

**Keywords:** Nguyễn Bình Khiêm, Nôm-script poem no.79, reclusive philosophy, paradoxical poetics, peaceful solution.

*Ngày nhận bài: 23.12.2025; ngày gửi phản biện: 25.12.2025;  
ngày nhận bài sửa: 02.01.2026; ngày duyệt đăng: 06.01.2026*

### 1. Mở đầu

Nguyễn Bình Khiêm là nhà thơ lớn, có số lượng tác phẩm lên đến hàng nghìn bài, trong đó *Nhàn* là một trong những nội dung lớn, gần như xuyên suốt sự nghiệp thơ văn của Trạng Trình. *Nhàn* trong thơ Nguyễn Bình Khiêm gắn với sự lựa chọn phương thức xuất - xử của ông. Nhà nho luôn mang trong mình khát vọng nhập thế, phò tá quân vương, thực hiện những hoài bão chính trị để lập đức, lập nghiệp, lưu danh hậu thế, nhưng thực tế xã hội không phải lúc nào cũng cho phép họ thực hiện được hoài bão của mình. Mạnh Tử, bậc Á thánh của Nho gia từng

\* PGS.TS. - Viện Văn học. Email: vuthanhvvh@yahoo.com.

<sup>1</sup> Trần Đình Sử (Tổng Chủ biên), *Ngữ văn 10 nâng cao*, Tập 1 (Hà Nội: NXB Giáo dục, 2006), 170; Phan Trọng Luận (Tổng Chủ biên), *Ngữ văn 10*, Tập 1 (Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam, 2021), 128.

quan niệm: “Cùng tắc độc thiện kì thân, đạt tắc kiêm thiện thiên hạ” (“Tận tâm thượng”, *Mạnh Tử*). Xuất và xử là hai thái cực khác nhau, đều không xa lạ với nhà nho. Bản thân Khổng Tử cũng là một hình mẫu cho sự lựa chọn thái độ xuất - xử. Lui khỏi chính trường để được nhân là hình thức “độc thiện kì thân” và có thể không chỉ dừng lại ở đó. Tìm hiểu bài thơ Nôm số 79 của Nguyễn Bình Khiêm sẽ giúp ta thấy rõ hơn về vấn đề này.

## 2. Bài thơ Nôm số 79 của Nguyễn Bình Khiêm

Bài thơ Nôm số 79 trong *Bạch Vân quốc ngữ thi* là một trong những bài thơ hay nhất của Nguyễn Bình Khiêm<sup>1</sup>. Tác phẩm này chắc chắn được làm khi ông đã về ẩn dật ở quê nhà. Bài thơ cho thấy rất rõ nét tư tưởng của Nguyễn Bình Khiêm khi tạm lánh về làng Trung Am<sup>2</sup>.

Trước hết, cần phải xác định rõ rằng Nguyễn Bình Khiêm là một nhà nho, một vị quan lớn về ẩn dật ở quê nhà, sau khi nhận thấy bản thân khó có thể thực thi những hoài bão chính trị để văn hồi cục diện xã hội đương thời, chứ ông không phải là một ẩn sĩ say đắm thú vui lâm tuyền, tìm đến sự nhàn dật để trốn tránh sự đời như một đạo sĩ hay như những người ẩn dật khác. Việc về ẩn của Nguyễn Bình Khiêm là do bất mãn với chính thể và lối sống của tầng lớp quan lại thượng lưu đương thời, do xã hội loạn lạc, đạo đức xuống cấp, do nguyện vọng được góp sức cho nước, cho dân của ông không được kẻ thống trị chấp nhận.

Ông về ẩn cũng không phải để tìm thú vui, tìm chốn quên lãng, quên hết mọi sự đời để sống và lao động “như nông dân” như một số người quan niệm, mà thực chất là thân ở quê nhà nhưng lòng ông lại đặt ở nơi xã tắc, tông miếu quốc gia, ngày đêm lo lắng cho dân, cho nước. Nhà nho, trong bản chất, vẫn giữ một khoảng cách nhất định với người lao động và cuộc sống của người dân thường. Vì vậy với họ, cày, cuốc vẫn là “Cày mây, cuốc nguyệt, gánh yên hà” (Thơ Nôm bài 19). Với Nguyễn Bình Khiêm, ẩn chỉ là tạm thời, một khi xuất hiện bậc minh quân, ông sẵn sàng trở lại phò vua, giúp nước. Qua một số bài thơ của ông như *Hữu giang*, *Tòng Tây chinh*, *Thủy hoành phó doanh cảm tác*, *Quá Quy Hóa trú doanh*, *Quá Văn Bàn châu*..., có thể biết rằng ở giai đoạn cuối đời, ông vẫn vài lần từ Vĩnh Lại về kinh đô, theo quân nhà Mạc đi dẹp loạn ở một số nơi.

Vị đại quan Nguyễn Bình Khiêm trở về sống giữa thiên nhiên, ung dung, tự tại với những thú vui ở nơi thôn dã như các bậc hiền triết ẩn dật khi xưa cốt để tìm đến một sự yên tĩnh trong tâm hồn sau bao ngày phải sống ở chốn “lao xao”. Bài thơ vừa như một tuyên ngôn về lối sống “an bần lạc đạo”, vừa như bằng chứng về một tâm hồn luôn xao động khôn nguôi, bởi ông vẫn đang đối diện với chính cuộc đời cuộn cuộn ngoài “cửa trúc”.

“Một mai, một cuốc, một cần câu”, Nguyễn Bình Khiêm tìm đến thú quê nhàn nhã, ung

<sup>1</sup> Mọi trích dẫn liên quan đến sáng tác của Nguyễn Bình Khiêm trong bài viết này đều lấy từ Phòng Văn học Việt Nam Cổ - Trung đại (Viện Văn học) và Hội đồng Lịch sử Hải Phòng (Biên soạn), *Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm (Tổng tập)* (Hà Nội: NXB Văn học, 2014).

<sup>2</sup> Tiêu đề *Nhàn* mà các soạn giả sách giáo khoa phổ thông *Ngữ văn 10* (Chương trình 2006) đặt cho bài thơ có lẽ chưa nói hết được tư tưởng của Nguyễn Bình Khiêm trong tuyệt phẩm này.

dung như Đào Tiềm<sup>1</sup> ngắm hoa cúc, nhưng vẫn đầy tâm trạng như Khương Tử Nha<sup>2</sup> khi buông chiếc cần câu không mồi trên sông Vị. Tìm hiểu nhịp điệu 2/2/3 của câu thơ đầu, có thể phần nào thấy được tâm trạng của nhà thơ. Nhịp thơ cho thấy một con người ung dung, tự tại, sẵn sàng nhập cuộc với cuộc sống nơi thôn dã. Điệp từ “một” được lặp lại 3 lần như một lời khẳng định sự lựa chọn, khẳng định cái tôi của tác giả nhưng lại ít nhiều toát lên sự cô độc, vắng vẻ. Đường như chỉ có một mình nhà thơ lựa chọn con đường của mình. Nhưng đọc hết cả bài thơ, ta không thấy sự cô đơn, trống trải, trái lại vẫn thấy sự tự tin, hào sảng, vui thú của Bạch Vân cư sĩ ở chốn nước non bình dị.

“Một mai, một cuộc” gợi nhớ đến hình ảnh của Đào Tiềm khi xưa, sau khi treo mũ áo từ quan về ẩn dật vì không chịu được thói bóc lột đến tận xương tủy của đám quan lại trước sự đói khổ của dân lành. Đào Tiềm khi trở về quê, nhìn thấy mảnh vườn của mình cỏ dại mọc um tùm nhưng ba luống cúc vẫn ra hoa tươi tốt. Hoa cúc là biểu tượng cho phẩm chất của người ẩn dật, dung dị, kín đáo, khiêm nhường. Vào cuối thu, khi muôn hoa đã dần úa tàn thì hoa cúc vẫn khiêm nhường khoe sắc vàng bình dị, khiến lòng người trở nên cân bằng, không bị quá đột ngột trước sự tàn lụi của thiên nhiên. Hình ảnh Đào Tiềm với chiếc mai, chiếc cuộc bên ba luống cúc hiện lên đầy khí tiết qua cái nhìn khinh bạc hướng về ngôi đền trên đỉnh núi - nơi tụ họp của những kẻ háms danh lợi, ngày đêm cầu cúng để củng cố sự giàu sang từ mồ hôi nước mắt của dân lành và mưu cầu những nấc thang quyền lực cao hơn nhằm trục lợi cá nhân. “Một mai, một cuộc” là vì vậy, Nguyễn Bình Khiêm đã nguyện theo bước chân của Đào Tiềm, tìm đến chốn trong sạch, đi ngược lại con đường của những kẻ mua danh, bán tước. Trong khi đó, “một cần câu” gợi nhớ đến hình ảnh của Khương Tử Nha khi buông chiếc cần câu không mồi trên sông Vị để chờ bậc quân vương đến đón về làm Tướng quốc, diệt vua Trụ nhà Thương, lập nhà Chu, đem sức lực, tài năng phục vụ triều đại, đất nước.

Các nhà nho, đặc biệt những vị đỗ đạt cao, tài năng xuất chúng như Nguyễn Bình Khiêm luôn luôn mơ ước gặp được bậc minh vương và một triều đại có vua sáng, tôi hiền để có thể hiện thực hóa lí tưởng “tế thế kinh bang” của mình. Họ không hề muốn tài năng bị tổn hao, phí phạm ở nơi rừng núi, thôn quê mà không một ai biết đến. Vì vậy, đối với các nhà nho, ẩn dật nhiều lúc chỉ là tạm thời, họ sẵn sàng ra phụng sự đất nước, nhưng nếu gặp điều không như ý, vua không nghe lời khuyên can chính đáng, họ lập tức trở về chốn lâm tuyền, thôn dã để ẩn cư hoặc dạy học, bốc thuốc. Nguyễn Trãi đã hành xử như thế. Cuộc đời Nguyễn Trãi là sự xoay vần giữa ẩn dật và dấn thân: lánh mình ở Côn Sơn vì nổi hăm oan sau vụ án Trần Nguyên Hãn, tái xuất triều chính theo lời mời của Lê Thái Tông, rồi cuối cùng lại bị đẩy về phía núi rừng khi những xung đột quyền lực khiến lí tưởng nhân nghĩa của ông trở nên đơn độc giữa chốn triều đình. Nguyễn Bình Khiêm cũng vậy. Ông hi vọng vào triều Mạc, một triều đại từng rất

<sup>1</sup> Đào Tiềm (365-427), hiệu Uyên Minh, nhà thơ lớn thời nhà Tấn và Lưu Tống, học rộng, tính tình phóng khoáng, không chịu được cảnh luồn cúi cầu danh. Ông làm huyện lệnh Bành Trạch (Giang Tây, Trung Quốc), chứng kiến cảnh thuế khóa, cướp bóc nặng nề của quan lại với dân nghèo nên đã treo mũ áo từ quan về quê ẩn dật. Ông là tác giả bài thơ *Quy khứ lai từ* nổi tiếng, ca ngợi nhân cách của người ẩn dật. Đào Tiềm là một mẫu hình nhà nho ẩn dật tiêu biểu trong văn học Đông Á.

<sup>2</sup> Khương Tử Nha (1156 TCN-1017 TCN) là khai quốc công thần nhà Chu. Trước khi được Vũ Vương tìm đến rước về làm Tướng quốc, ông ngồi câu trên sông Vị. Vì vậy, điển tích Thái Công điếu ngư (hay còn gọi là Lã Vọng câu cá) rất nổi tiếng trong văn hóa vùng Đông Á như biểu tượng của người ẩn dật chờ thời, chờ gặp được minh vương để được đem tài năng, công sức của mình phục vụ triều đại, nhân dân và đất nước.

tiến bộ với những cải cách lớn. Ông đã dành thời gian quan sát triều đại này trong một thời gian dài cho đến tận 43 tuổi mới ứng thí. Đỗ Trạng nguyên, ông được triều đình trọng dụng hết mực nhưng phẩm chất nhà nho chân chính khiến ông không thể chịu nổi hành vi, mưu đồ của những kẻ lộng thần cũng như sự xuống cấp đạo đức của cả một xã hội. Tương truyền, sau khi dâng sớ đòi chém 18 kẻ lộng thần nhưng không được nhà vua chấp nhận, ông lại bỏ về quê, sống đời sống của người ẩn dật nơi thôn dã. Khác với thời đại của Nguyễn Trãi, ở thời đại của Nguyễn Bình Khiêm, nhà nho đã được tôn trọng, nhất là các nhà nho giàu tri thức, tài năng như Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Dữ. Họ là những nho sĩ không màng danh lợi, sẵn sàng từ bỏ vinh hoa, phú quý, chức vụ để về ẩn dật nơi rừng núi, thôn dã. Nguyễn Bình Khiêm treo mũ áo, từ quan về quê mà vẫn được tôn kính như bậc thầy thiên hạ. Ông sống ung dung, tự tại, rất khác với tâm trạng cô độc, có phần thụ động khi về Côn Sơn của Nguyễn Trãi khi xưa. Tương tự, Nguyễn Dữ - người cùng thời với ông - cũng rất được tôn trọng khi ẩn mình ở núi rừng Thanh Hóa.

Không phải ngẫu nhiên mà trong câu thơ đầu, Nguyễn Bình Khiêm lại gợi nhớ đến hai mẫu hình ẩn dật nổi tiếng: Đào Tiềm và Khương Tử Nha. Lời thơ cho thấy thái độ ung dung, tự tại của Trạng Trình khi lựa chọn con đường đi cho mình giữa muôn trùng cám dỗ.

Những hình ảnh cụ thể trong bài thơ Nôm số 79 của Nguyễn Bình Khiêm phần nhiều là để nói về chí hướng của nhà nho: “Thơ thần dầu ai vui thú nào/ Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ/ Người khôn người đến chốn lao xao”. “Nơi vắng vẻ” và “chốn lao xao” ở đây đều mang ý nghĩa biểu tượng. “Chốn lao xao” chính là nơi mà nhà thơ vừa “trốn chạy” để trở về với “nơi vắng vẻ”. “Chốn lao xao” chính là nơi kẻ quyền quý đang tranh giành địa vị, bổng lộc, vì lợi ích cá nhân mà gây chiến tranh khiến bao gia đình tan nát, xương trắng đầy đồng, đầy đất nước vào chỗ kiệt quệ, người dân không còn đường sống. Chính vì thế mà Trạng Trình phải rời bỏ chốn “lao xao” để trở về “nơi vắng vẻ”. Tìm về “nơi vắng vẻ” là tìm về với cội nguồn, với thiên nhiên gần gũi với con người, nơi gọi sạch những nhớ nhớp “bụi đời” để có một tâm hồn trong sạch.

Quan hệ giữa “nơi vắng vẻ” và “chốn lao xao” là quan hệ đối lập, bài trừ nhau. Nói lên sự lựa chọn, Nguyễn Bình Khiêm muốn cuộc sống thanh bạch của mình trở thành tấm gương cho những kẻ còn tối tăm mặt mũi trong chốn bùn nhơ thấy được. Qua việc lựa chọn đó, nhà thơ phát biểu quan niệm về sự “khôn”, “dại” của mình. Nguyễn Bình Khiêm tự cho mình là dại, người đời là khôn, nhưng ở đây, dường như nhà thơ đang sử dụng cách nói ngược với một giọng điệu hài hước, hóm hỉnh và cũng đầy tự tin về sự lựa chọn của mình. Đây là một sự phê phán nhằm tới những kẻ được coi là “khôn” và cũng là một cách tự khẳng định sự lựa chọn của mình. Quan điểm dại, khôn của Nguyễn Bình Khiêm có nguồn gốc từ đâu? Lối sống thuận theo tự nhiên (vô vi) của Lão - Trang, thế ứng xử của Nho giáo “dung chi tắc hành, xả chi tắc tàng” (được dùng thì hành Đạo, không được thì giấu mình đi), triết lí “ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác” trong dân gian và lòng tự tin vào tài năng, nhân cách, tấm lòng với dân, với nước, đó chính là chỗ dựa vững chắc cho sự ung dung, tự tại của Trạng Trình. Như vậy thì nhân mà không phải là nhân, ẩn thân nhưng không ẩn nổi tâm; tìm về lối sống “nhàn dật” thực chất là để đối lập với thế tục, để khẳng định nhân cách thanh cao và tiết tháo kiên trinh, tìm đến sự hòa hợp, gần gũi với thiên nhiên. Đây mới chính là những nội dung sâu xa của bài thơ được người đời sau đặt tên là *Nhàn* này.

Hai câu luận tiếp theo cho biết rõ ai khôn, ai dại thật sự: “Thu ăn măng trúc, đông ăn giá/ Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao”. Đây là những thú vui chỉ những kẻ “dại” mới được hưởng thụ. Nhà thơ thưởng thức những hương vị tự nhiên của thiên nhiên (măng thu, giá đông, xuân tắm hồ sen thơm, hạ tắm ao trong mát), nhưng đó cũng là thú thanh tao và có phần sang trọng mà kẻ trọc phú không có được. Đó là lối sống của một con người dám khẳng định sự độc lập trong tư tưởng và hành động, không bị phụ thuộc vào kẻ quyền thế, ung dung, tự tại với tinh thần “Tạc tinh nhi ẩm, canh điền nhi thực” (tự đào giếng để uống, tự cày ruộng để ăn).

Thử tìm hiểu xem các sản vật được tác giả dẫn ra trong bài thơ có gì đáng lưu ý? Ở đây, không nên tầm thường hóa những sản vật này, cho đó là những thứ giản đơn thông thường, dễ kiếm. Sự thực thì đây dù là những thức ăn “quê mùa”, dân dã nhưng lại hết sức đáng quý, là những sản vật tự nhiên, mùa nào thức ấy, là lộc của trời cho nhưng cũng phải do sức người vất vả mới có được. Đơn cử như măng trúc mùa thu. Các loại măng khác thường phát triển vào mùa xuân và mùa hè. Mùa thu không phải mùa thu hoạch của các loại măng thường. Mùa măng trúc cũng rơi vào xuân, hè, sang cuối thu vẫn còn nhưng khá hiếm và việc thu hoạch khó khăn hơn vì phải đi xa hoặc vào rừng sâu hơn. Không phải ai cũng có thể được thưởng thức hương vị thơm ngon của măng trúc vào mùa thu. Đó là thứ nếu không sống ở vùng thôn quê, không gần gũi với thiên nhiên thì khó mà được nếm trải. Vùng Đông Bắc, quê hương Nguyễn Bình Khiêm được biết đến với măng trúc mùa thu, mà nổi tiếng nhất là măng trúc trên núi cao thiêng Yên Tử.

Bên cạnh măng trúc mùa thu, Nguyễn Bình Khiêm còn nhắc đến một sản vật khác trong cụm từ “đông ăn giá”. Trong bài viết công phu *Về bài thơ Nôm số 79 của Nguyễn Bình Khiêm*, nhà nghiên cứu Nguyễn Đăng Na đã căn cứ vào logic bài thơ để giải nghĩa “giá” là lúa gạo<sup>1</sup>, chứ không phải là “giá: thứ rau làm bằng đậu xanh ngâm ủ cho mầm mọc dài ra” như cách giải thích trong sách giáo khoa<sup>2</sup>. “Giá” ở đây có lẽ là một loại gạo ngon, hiếm, thu hoạch vào mùa đông giá rét, vào những ngày giáp hạt, khi nhiều nhà hết gạo hoặc phải ăn thóc cũ. Thứ gạo hiếm ngon ấy kể ở lâu son gác tía, xa rời nơi thôn dã khó có thể được hưởng. Những thứ ngon ngọt mà tự nhiên ban tặng ấy không phải ngẫu nhiên có được, mà vẫn phải nhờ tới sức lao động vất vả của con người, phải trồng cấy trong điều kiện khắc nghiệt, chứ không phải thứ có sẵn, dễ dàng tìm kiếm trong tự nhiên.

“Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao” cũng là thú vui trời ban. Mùa xuân tắm hồ sen nước trong vắt, lại có mùi thơm từ đài sen. Mùa hạ tắm ao sau mỗi cơn mưa, nước ao đầy và mát rượi cũng là một thú vui chỉ dành cho người trở về sống với mẹ thiên nhiên. Nhà thơ thưởng thức những hương vị tự nhiên của trời đất, nơi mà những kẻ trọc phú sống trong lầu son gác tía khó có thể có được. Ở đây, ai là người khôn, ai là kẻ dại đã khá rõ ràng.

Trong hai câu luận, cách sắp xếp thời gian của tác giả là “thu, đông, xuân, hạ” chứ không phải theo tuần tự “xuân, hạ, thu, đông” như chúng ta thường nói. Cách nói này đã được thống nhất ngay từ câu đề và hai câu thực. Theo cách nói hiện đại thì Nguyễn Bình Khiêm đã sử

<sup>1</sup> Nguyễn Đăng Na, “Về bài thơ Nôm số 79 của Nguyễn Bình Khiêm”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 4 (2009). Xem thêm Nguyễn Quang Hồng (Chủ biên), *Từ điển chữ Nôm* (Hà Nội: NXB Giáo dục, 2006), 413-414.

<sup>2</sup> *Ngữ văn 10 nâng cao*, Tập 1, 170.

Sách *Bài tập Ngữ văn 10*, Tập 1 (Hà Nội: NXB Giáo dục, 2006), 89 cũng cho “giá” ở đây là “giá đỗ”.

dụng thi pháp nói ngược để trình bày tư tưởng của mình trong bài thơ độc đáo này. Ngược mà lại là xuôi, là thuận theo tự nhiên, ngược mà lại đem lại rất nhiều niềm vui, sự an nhiên, tốt lành. Nhà thơ xếp hai mùa khắc nghiệt nhất (mùa thu hoa cỏ úa tàn khiến lòng người buồn bã, chán nản và mùa đông rét mướt, đói nghèo) lên trên mùa xuân và mùa hạ cũng cốt để khẳng định sự lựa chọn của mình.

Hai câu thơ cuối một lần nữa đã khẳng định phong thái ung dung, tự tại của Trạng Trình: “Rượu đến cội cây ta hãy uống/ Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao”. Hai câu thơ gọi đến điển “gốc hòe”. Theo sách *Dị văn lục* (Trung Quốc), Thuần Vu Phần nằm ngủ dưới gốc cây hòe (cây hòe tượng trưng cho sự vinh hoa, phú quý), mộng thấy mình bay lên không trung vào Đại Hòe An quốc, được quốc vương nơi ấy cho làm Thái thú Nam Kha. Tỉnh mộng, thấy mình nằm dưới gốc cây hòe, dưới cành phía Nam, bên cạnh một tổ kiến. Lúc đó, Thuần Vu Phần mới hiểu Đại Hòe An quốc là gốc cây hòe, Nam Kha là cành cây phía Nam, quốc vương là con kiến chúa. Với việc vận dụng điển tích này, Nguyễn Bình Khiêm muốn cho thiên hạ rõ: công danh chỉ là giấc mộng hão huyền. Hình ảnh ông ngồi/ nằm dưới gốc cây, ung dung thưởng thức rượu ngon cho thấy nhân cách của bậc đại trượng phu (khác với Thuần Vu Phần bay lên không trung để tìm vinh hoa, phú quý): Nguyễn Bình Khiêm không chỉ xa lánh danh lợi mà còn coi thường, cười cợt, cho đó chỉ như một giấc mộng hão huyền.

Quan điểm coi “phú quý tựa chiêm bao” của Nguyễn Bình Khiêm vốn chịu ảnh hưởng từ tư tưởng đề cao lối sống gần gũi với tự nhiên, xa rời danh lợi, bon chen của đạo Lão - Trang, nhưng qua đó cũng thể hiện bản lĩnh, nhân cách của Trạng Trình trước nhân tình thế thái với một tư thế đầy cá tính của bậc hiền triết nắm được quy luật của trời đất và lòng người. Đó mới đúng là tư thế của bậc thầy thiên hạ.

Không khó để nhận thấy “nhàn” là chủ đề xuyên suốt thơ chữ Nôm, chữ Hán của Nguyễn Bình Khiêm. Có rất nhiều bài thơ Nôm của ông xuất hiện chữ “nhàn”: “Thanh nhàn ấy ắt là tiên khách/ Được thú ta đà có thú ta” (*Nhãn thì qua*); “Thấy dặm thanh vân bước ngại chen/ Được nhàn ta sá dưỡng thân nhàn” (*Nhàn tình thế thái, bài 4*); “Trai nổi nguy nan đã mấy phen/ Thân nhàn phúc lại được về nhàn” (*Nhàn tình thế thái, bài 6*)... Trong thơ chữ Hán của Nguyễn Bình Khiêm cũng có nhiều bài viết về chủ đề “nhàn”, chẳng hạn *Tân quán ngụ hứng* bài 13: “Phiền hiêu nhàn khước lợi danh quan/ Liêu ngụ nhàn trung dưỡng đắc nhàn/ Tọa thượng tiếu đàm vô tục khách/ Ngâm biên diểu vọng hữu thanh san/ Tiêu dao tứ nhập yên vân ngoại/ Sái lạc xuân tùy trượng lí gian/ Văn cú nhược phùng Đào Tĩnh Tiết/ Do biên nhất túy cường hoa nhan” (Danh lợi lao xao mặc thế gian/ Cảnh nhàn ta gửi cái thân nhàn/ Nói cười trong hội không ai tục/ Ngâm vịnh nhìn trời đẹp cảnh quan/ Bay bổng hồn thơ ngoài cõi thế/ Ung dung gậy trúc giữa vườn xuân/ Cuối mùa cúc nở trời êm mát/ Uống một chén say lấy sức gân - Lê Hữu Nhiệm dịch thơ).

Qua bài thơ Nôm số 79 và các bài thơ viết về nhàn của Nguyễn Bình Khiêm, có thể thấy phong cách thơ của Bạch Vân cư sĩ là sự kết hợp giữa trữ tình và triết lí, giữa cảm hứng của một thi nhân và phong thái đầy ưu tư của một triết gia. Bài thơ Nôm số 79 chính là cảm hứng về sự nhàn kết hợp với triết lí về chữ nhàn (nhàn mà không hề nhàn). Bài thơ cho thấy một cá tính mạnh mẽ, một bản lĩnh phi thường trong con người Nguyễn Bình Khiêm. Ở đó, Trạng Trình đã phủ nhận danh lợi, khẳng định quan niệm nhàn bằng tư tưởng triết học chứ không

chỉ bằng quan niệm đạo đức, do vậy, đây là sự phủ định và khẳng định triệt để nhất. Ông cân bằng, hài hòa giữa “nhàn thân” và “nhàn tâm”, hưởng thụ cảnh nhàn, ung dung thưởng thức những gì mà cảnh nhàn và thiên nhiên ban tặng, rất khác với tâm thế của những nhà nho ẩn dật trước ông. Trạng thái ung dung hưởng thụ thú vui và hình ảnh “Rượu đến cội cây ta hãy uống/ Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao” đã cho thấy rõ con người của Tuyết Giang phu tử. Triết lí nhàn và trạng thái hưởng nhàn này sẽ được thể hiện một cách triệt để ở Nguyễn Công Trứ (1778-1858), một nhà nho sống sau Nguyễn Bình Khiêm hai thế kỉ.

Triết lí của Nguyễn Bình Khiêm trong bài thơ là những triết lí về lẽ đời, về những quan niệm đại, khôn trong cách sống, xa lánh và phủ nhận danh lợi, tập trung nổi bật ở việc ca ngợi cuộc sống hòa hợp với tự nhiên. Ở đây, đại mà thực chất là khôn, còn khôn mà lại hóa đại. Nhàn là về nơi vắng vẻ đối lập với lao xao, ta đối lập với người. Nơi vắng vẻ chính là nơi sống hòa thuận với thiên nhiên, nơi tâm hồn tĩnh tại, nơi không phải khom lưng, quỳ gối cầu cạnh người và cũng không có gì để người cầu cạnh. Chốn lao xao là chốn cửa quyền, tấp nập kẻ bon chen, luồn lọt với nhiều thủ đoạn khiến xã hội trở nên loạn lạc, cuộc sống của người dân khốn cùng, chiến tranh phi nghĩa diễn ra liên miên... Những triết lí sâu xa ấy được thể hiện bằng những cảm xúc chân thành, bằng những kinh nghiệm từng trải, bằng những hình ảnh sinh động từ cuộc đời nên không hề khô khan, trái lại tạo nên sự hòa quyện sâu sắc giữa triết lí và những xúc cảm trữ tình. Chính những hình ảnh đầy chất thơ đó cùng với một thi pháp độc đáo “có một không hai” đã nâng cánh cho những triết lí về lẽ đời, về cách sống trong bài thơ bay xa.

### 3. Kết luận

Qua triết lí nhàn thể hiện trong các bài thơ chữ Nôm và chữ Hán, đặc biệt qua bài thơ Nôm số 79, Nguyễn Bình Khiêm rõ ràng muốn đi tìm một giải pháp cho thời đại của ông - một thời đại loạn lạc, con người tranh giành, chém giết nhau vì lợi danh, đất nước bị chia năm, xẻ bảy, số phận người dân khốn cùng. Nguyễn Bình Khiêm muốn nói rằng: Chỉ có dứt bỏ danh lợi bất minh, tìm về với cuộc sống bình dị, gần gũi với thiên nhiên mới có thể giúp xã hội, con người trở lại với sự bình yên. Chỉ có thiên nhiên mới có thể giúp con người tìm về với bản tính nhân hậu, từ bỏ những tham vọng xấu xa, xa rời chiến tranh. Tìm về với thiên nhiên chính là tìm về với những thú vui vô tận, được thiên nhiên ban tặng những thứ quý giá; nơi con người có thể sống hài hòa, trung dung, an nhiên hưởng thụ những gì mà cuộc sống nhàn ban tặng. Đó chính là giải pháp sẽ đem lại hòa bình cho toàn xã hội và tự do, tự tại cho con người.

Cuộc trò chuyện giữa người tiều phu núi Na với vua quan nhà Hồ trong *Chuyện đối đáp của người tiều phu núi Na* hay câu chuyện trong *Chuyện bữa tiệc đêm ở Đà Giang*, *Chuyện Từ Thức lấy vợ tiên* ở tập *Truyện kì mạn lục* của Nguyễn Dữ cũng thể hiện một quan niệm sống rất giống với quan niệm của Nguyễn Bình Khiêm trong bài thơ Nôm số 79. Cũng như Trạng Trình, Nguyễn Dữ cũng mãi mê đi tìm một giải pháp cho xã hội loạn lạc của mình, cũng như một con đường sống cho chính bản thân mình. Như vậy, với Nguyễn Bình Khiêm cũng như với Nguyễn Dữ, hai văn nhân lớn sống ở thế kỉ XVI, việc tìm về với cuộc sống ẩn dật không phải để mưu cầu chốn yên ấm cho riêng mình mà để kiếm tìm một phương thức sống cho cả thời đại, nhằm cứu vãn tình thế với các xung đột quá gay gắt giữa các thế lực đương thời. Trong mắt hai nhà nho này, xã hội chỉ có thể được bình yên khi con người không quá mãi mê

lao vào cuộc sống vật chất, bon chen danh lợi, tranh giành bổng lộc, quyền vị.

Với Nguyễn Bình Khiêm, “nhàn” không đồng nghĩa với sự hưởng lạc hay đứng đưng thế sự; trái lại, đó là một trạng thái “thân nhàn tâm bất nhàn”. Dẫu chọn lối sống ẩn dật, tâm thế ông vẫn luôn đau đáu nỗi niềm “tiên ưu” (lo trước thiên hạ), một nỗi lòng trăn trở cho đến tận cuối đời. Nhà thơ kêu gọi con người trở về với thiên nhiên, với sự hài hòa, với bản chất người của mình. Ông ca ngợi cách sống đó và cho họ thấy đó là một cuộc sống hết sức vui thú, đạt tới sự tự do, tự tại vốn là lí tưởng mà bao người mơ ước. Đây rõ ràng là một thứ triết lí có tính ứng dụng cao. Đó là sự kết hợp hài hòa giữa tư tưởng Nho giáo và Đạo giáo để tìm đến một sự thích ứng, hài hòa với thực tế của thời đại.

Nhàn là thái độ sống không phụ thuộc vào công danh, quyền thế, tự tại với riêng mình. Nhàn là dám từ bỏ công danh, phú quý, sống thành thực với bản thân mình. Nhàn là hòa hợp nhưng không phụ thuộc vào tự nhiên, là làm chủ cuộc sống của mình, là tìm đến sự bình yên trong tâm hồn, là đạt đến cảnh giới tự do, tự tại. Bài thơ Nôm số 79 đã giúp chúng ta hiểu rõ, hiểu đúng tư tưởng, nhân cách, con người của Tuyết Giang phu tử Nguyễn Bình Khiêm.

#### Tài liệu tham khảo

Cù Hữu, Nguyễn Dữ. *Tiến đặng tân thoại, Truyền kì mạn lục*. Phạm Tú Châu, Trúc Khê Ngô Văn Triện dịch. Hà Nội: NXB Văn học và Trung tâm Văn hoá và Ngôn ngữ Đông Tây, 1999.

Nguyễn Quang Hồng (Chủ biên). *Từ điển chữ Nôm*. Hà Nội: NXB Giáo dục, 2006.

Nguyễn Đăng Na. “Về bài thơ Nôm số 79 của Nguyễn Bình Khiêm”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 4 (2009): 68-73.

Phan Trọng Luận (Tổng Chủ biên), *Ngữ văn 10*, Tập 1. Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam, 2021.

Phòng Văn học Việt Nam Cổ - Trung đại (Viện Văn học) và Hội đồng Lịch sử Hải Phòng (Biên soạn). *Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm (Tổng tập)*. Hà Nội: NXB Văn học, 2014.

Trần Đình Sử (Tổng Chủ biên). *Ngữ văn 10 nâng cao*, Tập 1. Hà Nội: NXB Giáo dục, 2006.